

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/01/2025

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Thu Huyền.**

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Quang Thị Ngà.

2. Ông Tô Văn Ngọc.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Hoàng Thu Thảo.**

Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Đông Anh tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Việt Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 444/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/12/2024. Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2024. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Thôn NV, xã DT, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên
tòa.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971.

Nơi cư trú: Thôn NV, xã DT, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị L trình bày:**

- Về tình cảm: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/3/1991 tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện

Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của ông bà. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn NV, xã DT, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, không ở chung cùng bố mẹ chồng thời gian nào.

Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách của hai vợ chồng không phù hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T còn thường xuyên chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng ông T không nghe.

Năm 2021 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng không thể chung sống cùng nhau được nữa nên bà đã ra ngoài thuê trọ ở riêng, còn ông T vẫn sinh sống ở nhà cùng con trai. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên bà xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thị M sinh năm 1992 và Nguyễn Sơn Đ sinh năm 1996. Hiện nay các con đều có sức khỏe tốt và đã đủ tuổi trưởng thành, chị M đã lập gia đình và chuyển về nhà chồng sinh sống, còn anh Đ vẫn sống cùng ông T, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các vấn đề trên, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

*** Bị đơn – Ông Nguyễn Văn T:** Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để làm việc, nhưng ông T đều không đến. Tòa án đã nhiều lần trực tiếp đến nhà để lấy lời khai của ông T làm căn cứ giải quyết vụ án, tuy nhiên ông T đều vắng nhà, do vậy nên không lấy được lời khai của ông T.

Tại phiên tòa:

+ Bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Hiện nay bà và ông T đã sống ly thân từ 2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Ông T vẫn thường xuyên sinh sống cùng con trai tại thôn NV, xã DT, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

Ông bà đã mâu thuẫn từ rất lâu và đã quá trầm trọng, bà đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn với ông T, nhưng bà suy nghĩ lại và đều đã rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không thể cải thiện được, nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Nguyễn Thị M sinh năm 1992 và Nguyễn Sơn Đ sinh năm 1996. Hiện nay các con đều có sức khỏe tốt và đã đủ tuổi trưởng thành, chị M đã lập gia đình và chuyển về nhà chồng sinh sống, còn anh Đ vẫn sống cùng ông T, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.

+ ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu ý kiến:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về thẩm quyền thụ lý và quan hệ pháp luật giải quyết, về xác định tư cách pháp lý đối với các đương sự, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về việc tổng đạt các văn bản tố tụng, về việc tiến hành thu thập chứng cứ đều đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng theo trình tự mà pháp luật quy định.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều đã chấp hành tốt pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung Nguyễn Thị M sinh năm 1992 và Nguyễn Sơn Đ sinh năm 1996. Hiện nay các con đều có sức khỏe tốt và đã đủ tuổi trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí không có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 07/3/1991. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông bà xảy ra mâu thuẫn, bà L có đơn xin ly hôn với ông T. Bà L và ông T cùng có địa chỉ nơi cư trú tại thôn NV, xã DT, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, quan hệ pháp luật là “Ly hôn”.

[1.2] Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn T đến Tòa án để tiến hành giải quyết vụ án, nhưng ông T đều không đến. Tòa án đã nhiều lần trực tiếp đến nhà để lấy lời khai của ông T, tuy nhiên ông T đều vắng nhà, do vậy nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với ông T theo đúng quy định của pháp luật. Ông T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là hoàn toàn đúng và phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T sau khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không phù hợp với nhau về tính cách, quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, bà L xin được ly hôn với ông T.

Theo cung cấp của chính quyền địa phương nơi ông bà chung sống thì bà L và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và chung sống cùng nhau tại thôn NV, xã DT, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống ông bà thường xuyên xích mích, đánh cãi chửi nhau, nguyên nhân chủ yếu là do mâu thuẫn về kinh tế. Thời gian gần đây thì bà L và ông T không thường xuyên sống cùng nhau tại nhà riêng nữa mà thỉnh thoảng bà L mới về nhà, ông T thì vẫn ở nhà cùng con tại thôn nhưng đi làm đến tối mới về.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà L và ông T là có thực. Sau khi kết hôn ông bà sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, cả hai ông bà đều không có biện pháp gì để khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện mối quan hệ để vợ chồng quay về đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng ông bà không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy việc bà L xin ly hôn ông T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thị M sinh năm 1992 và Nguyễn Sơn Đ sinh năm 1996. Hiện nay các con đều có sức khỏe tốt và đã đủ tuổi trưởng thành, chị M đã xây dựng gia đình riêng, ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Điểm 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Xác nhận bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Thị M sinh năm 1992 và Nguyễn Sơn Đ sinh năm 1996. Hiện nay các con đều có sức khỏe tốt và đã đủ tuổi trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn T đều không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0071214, ký hiệu BLTU/23 ngày 27/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Xác nhận bà L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Bà Nguyễn Thị L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Văn T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND H. Đông Anh;
- THA H. Đông Anh;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND X.DT, H.Đông Anh,
TP.Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thu Huyền